CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2024

CTCP Tập đoàn Danh Khôi

Ngày 28/06/2024	4,600 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-4.2%	**-9.8%**	**-4.2%**

DT thuần
Q2/24
6.32
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.95| 17.7%
YoY: ▲ 4.39| 227%

LN thuần
Q2/24
-26.0
tỷ VNĐ
QoQ: ▼23.4| -917%
YoY: ▲ 32.2| 55.3%

LN sau thuế
Q2/24
4.44
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 1.76| 65.8%
YoY: ▲ 22.9| 124%

Tỷ suất lãi EBIT
Q2/24
658%
YoY: +/-▲ 558%

ROE (TTM)
Q2/24
4.3%
YoY: +/-▲ 1.8%

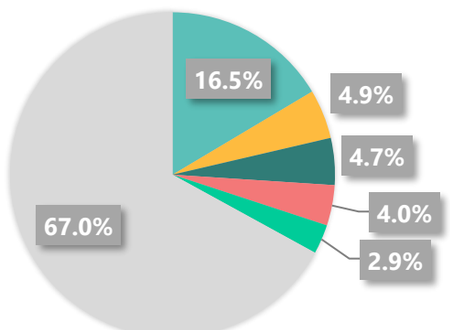
Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	4,400 - 7,300
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	426
Số lượng CPLH (CP)	92,597,762
KLGD BQ 20 phiên (CP)	427,010
Sở hữu nước ngoài	5.6%
Beta	0.99
EPS	592
P/E	7.8

DT thuần
6T 2024
11.7
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 9.77| 506%

LN thuần
6T 2024
-28.6
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 46.4| 61.9%

LN sau thuế
6T 2024
7.12
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 42.5| 120%

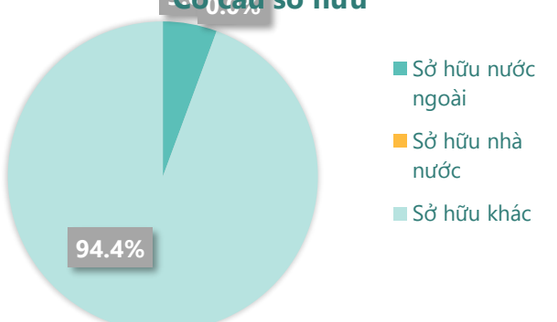
Cơ cấu cổ đông



- Hà Thị Kim Thanh
- CTCP Đầu tư PiXi
- Sanei Architecture Planning Co.,Ltd
- Đào Thị Bạch Phượng
- Lê Thống Nhất (Chủ tịch HĐQT)
- Khác

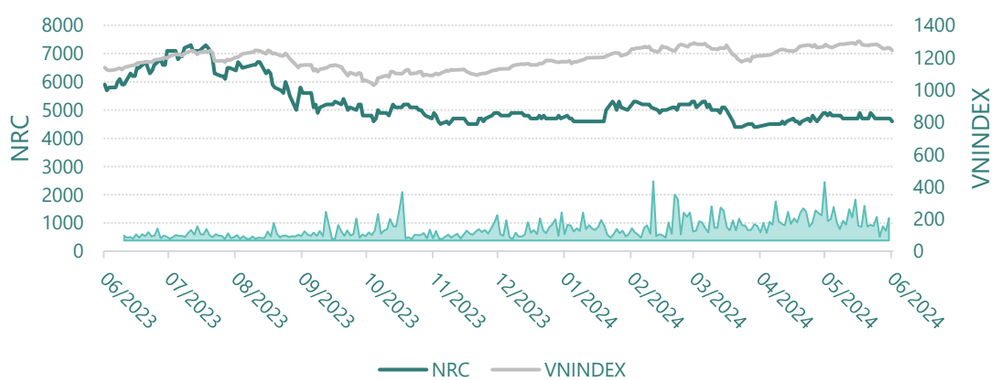
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



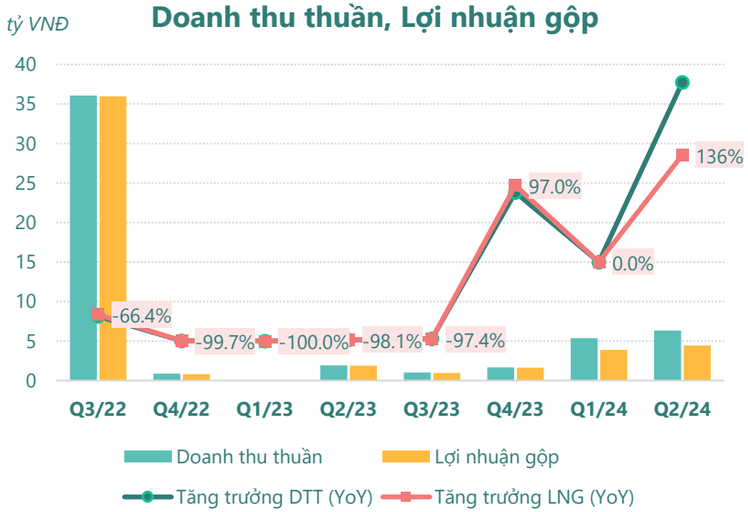
(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



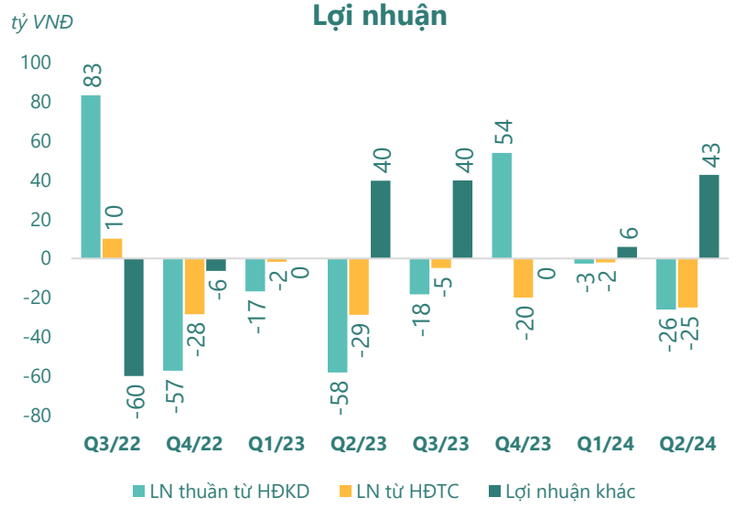
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



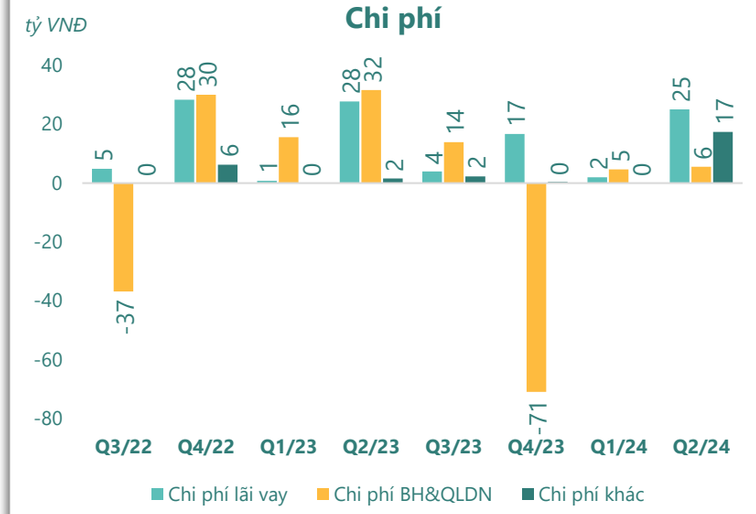
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



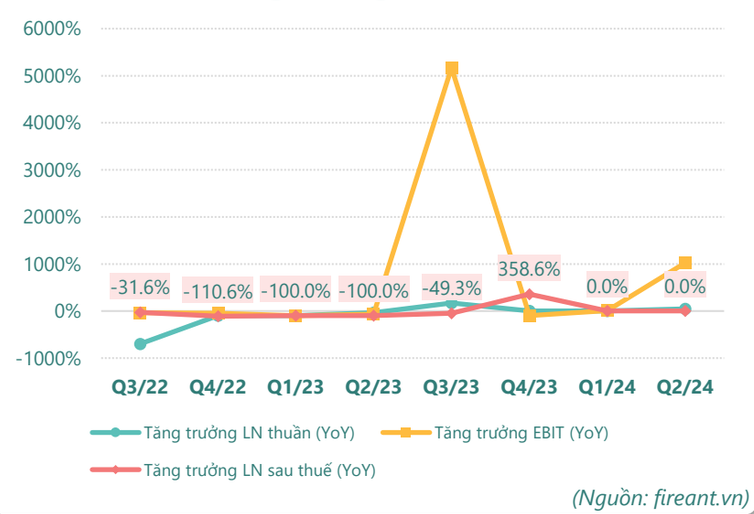
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



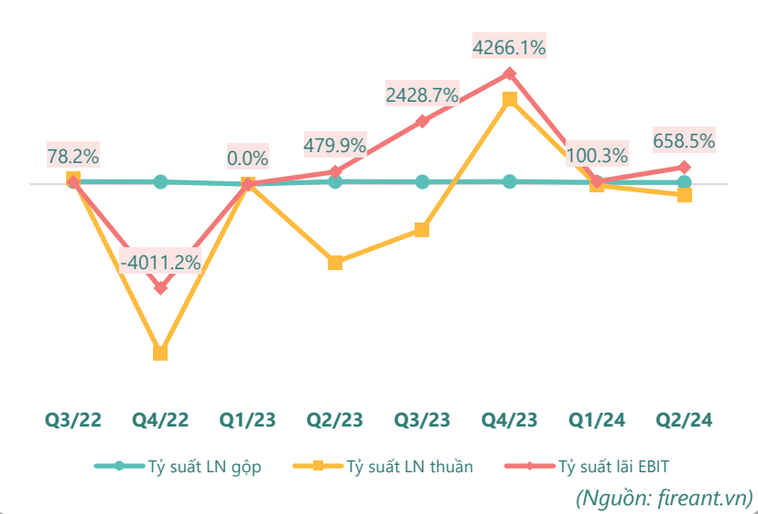
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



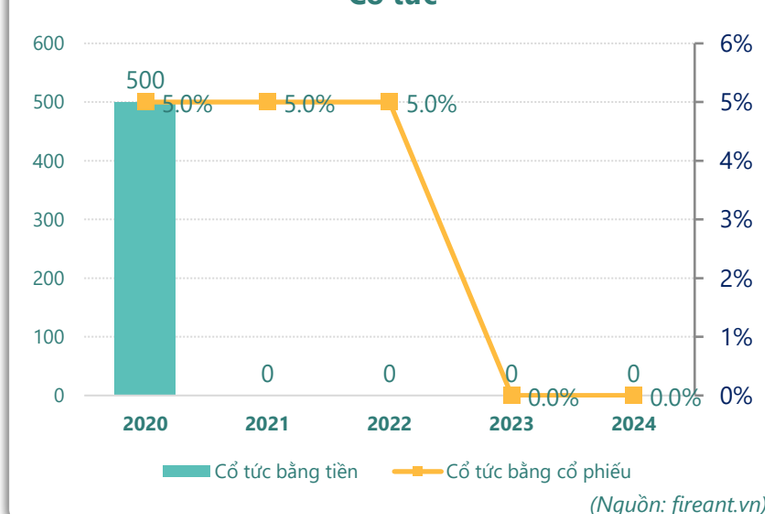
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

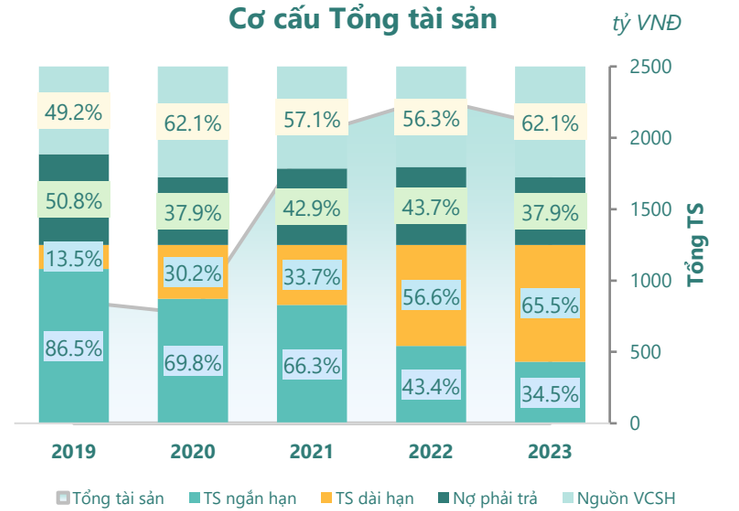
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

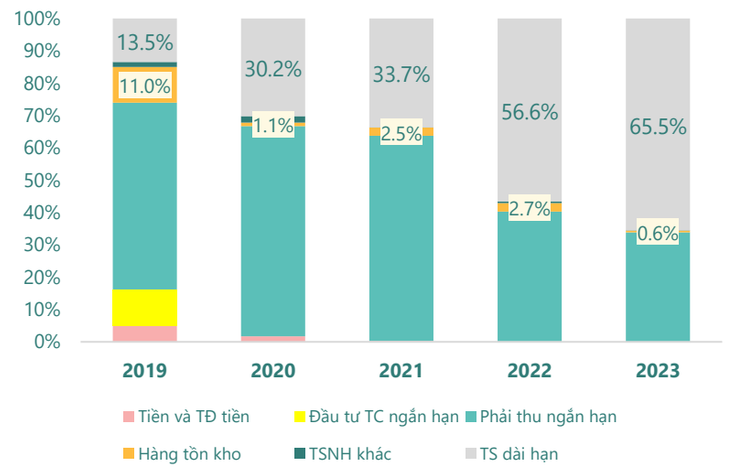
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



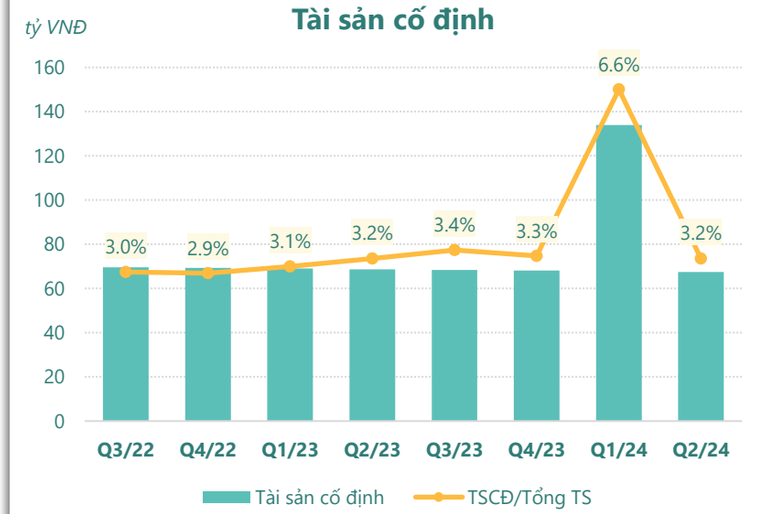
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



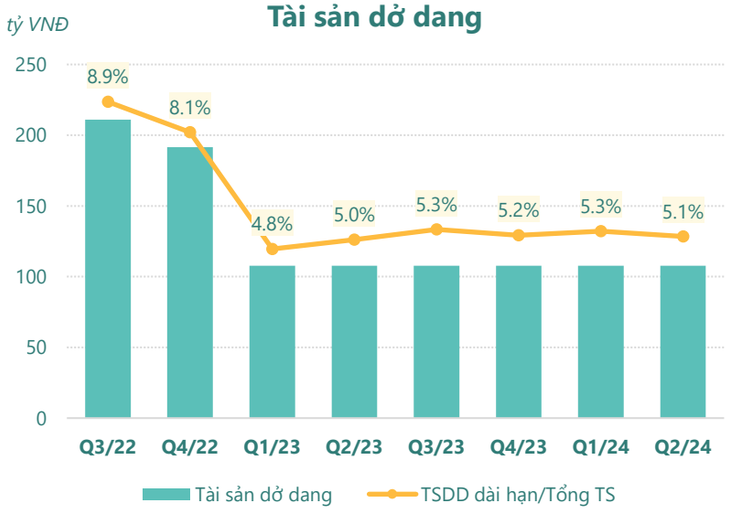
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



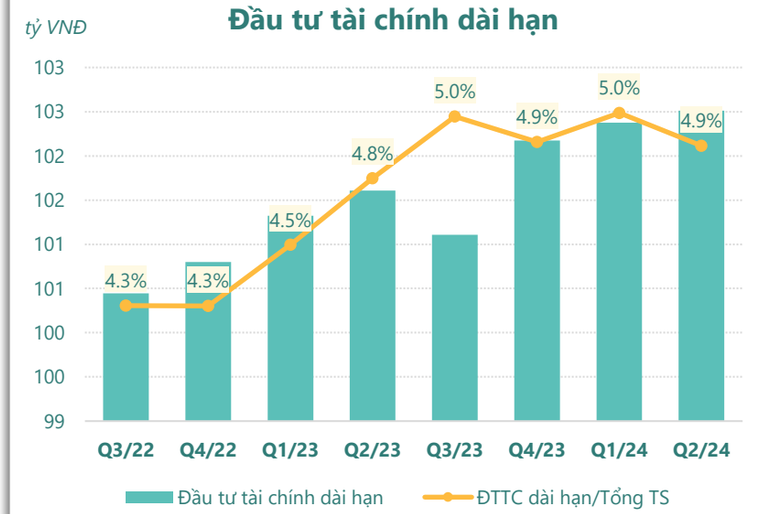
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



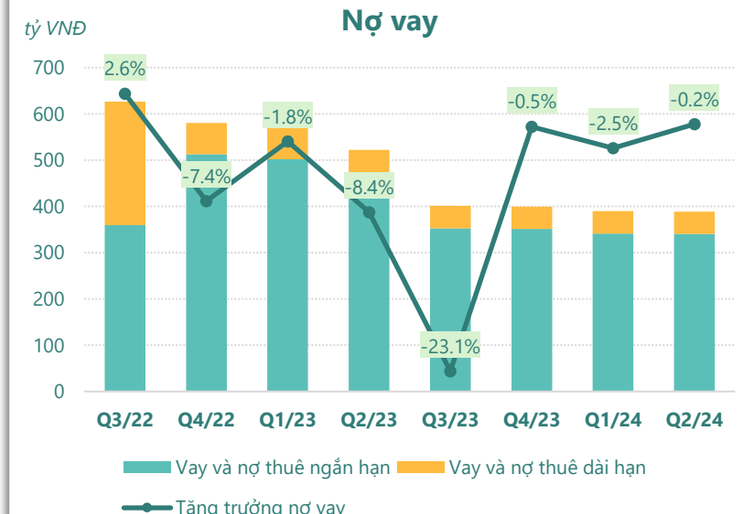
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

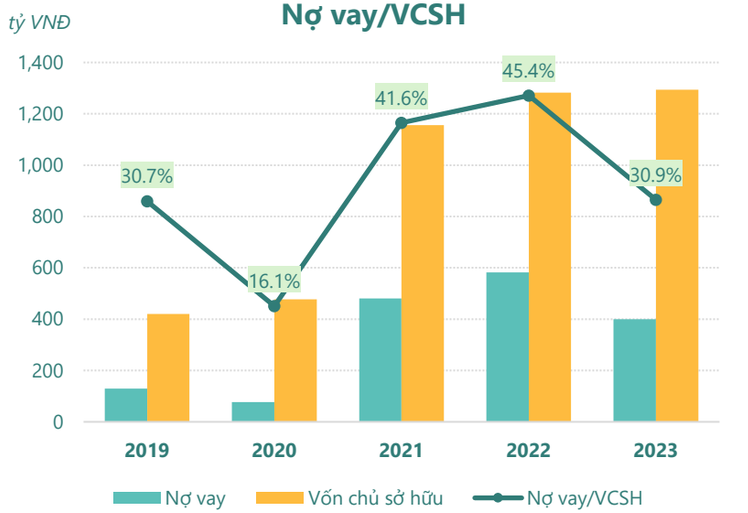
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

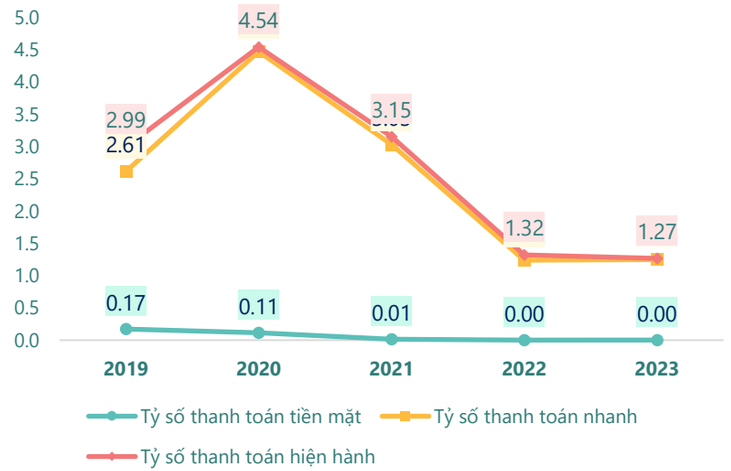
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



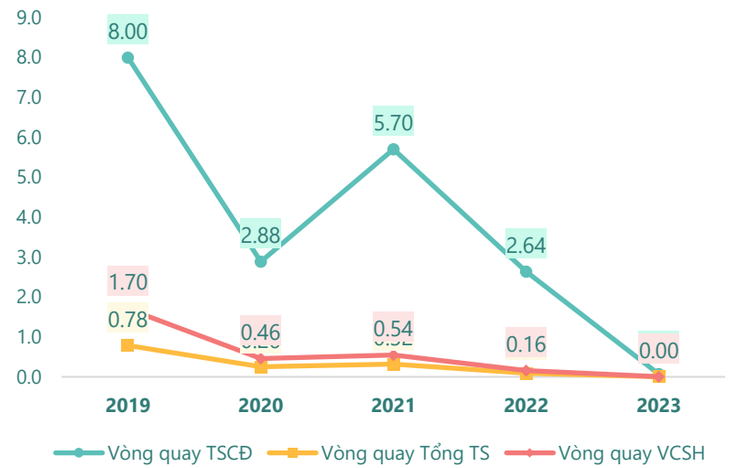
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



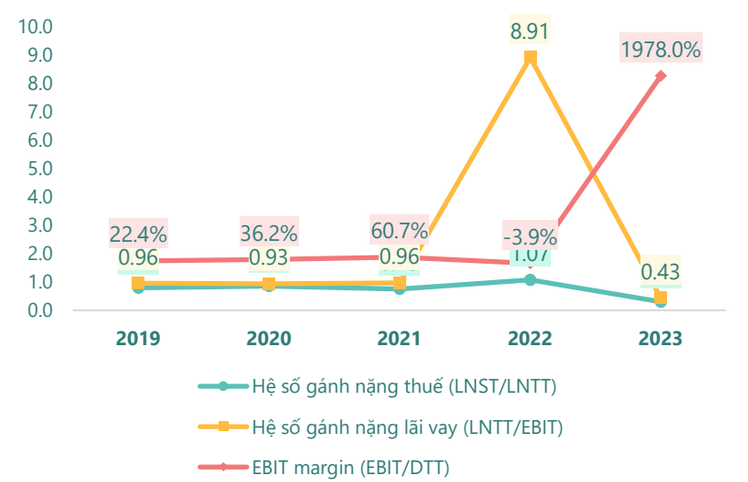
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



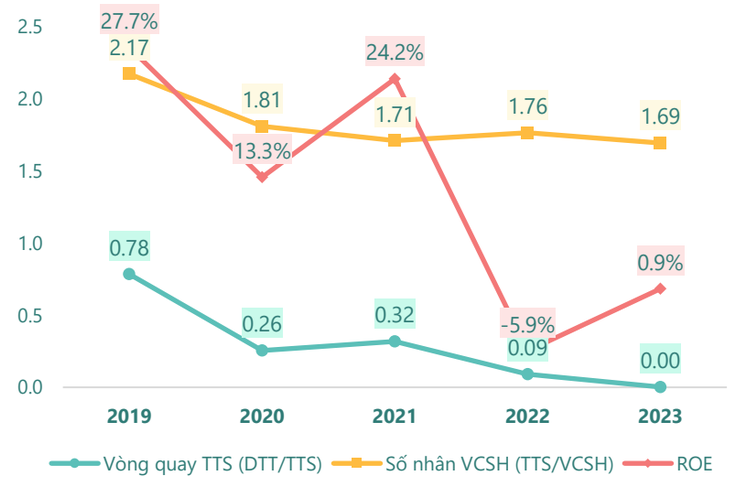
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



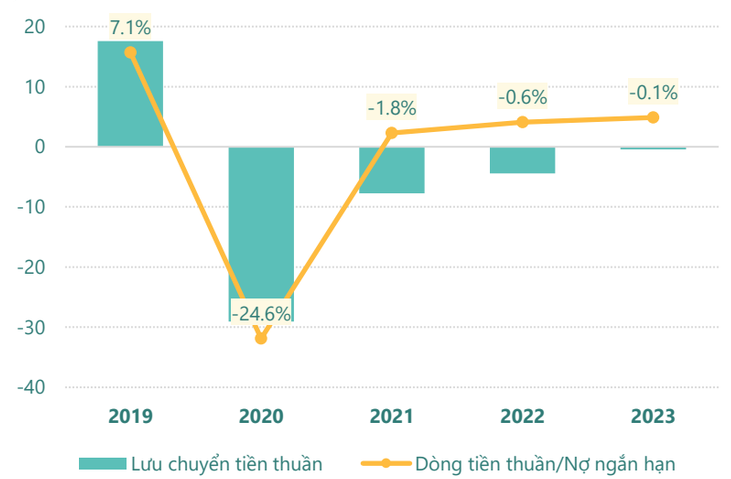
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q2/23	Thay đổi YoY	6T 2024	6T 2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**6.32**	**1.93**	**227%**	**11.7**	**1.93**	**506%**
Giá vốn hàng bán	1.86	0.04	4554%	3.35	0.04	8731%
Lợi nhuận gộp	4.46	1.89	136%	8.35	1.89	341%
Doanh thu HĐTC	0.00	0.00		0.00	0.00	-89.3%
Chi phí TC	25.0	28.7	-12.8%	27.0	30.5	-11.4%
Chi phí lãi vay	25.0	27.8	-10.0%	27.0	28.6	-5.5%
LN trong công ty LKLD	**0.13**	**0.28**	**-51.9%**	**0.34**	**0.81**	**-58.5%**
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	**5.60**	**31.7**	**-82.3%**	**10.3**	**47.2**	**-78.2%**
LN thuần từ HĐKD	-26.0	-58.2	55.3%	-28.6	-75.0	61.9%
Lợi nhuận khác	**42.6**	**39.6**	**7.7%**	**48.6**	**39.6**	**22.7%**
LN trước thuế	16.6	-18.5	190%	20.0	-35.4	157%
Lợi nhuận sau thuế	**4.44**	**-18.5**	**124%**	**7.12**	**-35.4**	**120%**
LNST của CĐ cty mẹ	**4.47**	**-18.5**	**124%**	**7.15**	**-35.3**	**120%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	1.24	23.4	122	0.28	9.49	0.92
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	11.8	27.8	0	0	0	0
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-12.2	-52.8	-122	0	-9.84	-0.94
Tiền đầu kỳ	1.33	2.19	0.62	0.61	0.90	0.55
Lưu chuyển tiền thuần	**0.86**	**-1.56**	**-0.01**	**0.28**	**-0.34**	**-0.01**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	2.19	0.62	0.61	0.90	0.55	0.54

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	**2,096**	**2,083**	**0.6%**
Tài sản ngắn hạn	458	719	-36.3%
Tiền và tương đương tiền	0.54	0.90	-39.6%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	446	705	-36.8%
Hàng tồn kho	10.1	11.6	-12.9%
Tài sản ngắn hạn khác	1.48	1.63	-9.2%
Tài sản dài hạn	**1,638**	**1,365**	**20.1%**
Phải thu dài hạn	1,295	1,020	26.9%
Tài sản cố định	67.5	68.1	-0.9%
Bất động sản đầu tư	66.0	66.2	-0.2%
Tài sản dở dang	108	108	0.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	103	102	0.3%
Tài sản dài hạn khác	**0.05**	**0.14**	**-61.1%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	796	789	0.8%
Nợ ngắn hạn	**574**	**567**	**1.1%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	340	351	-3.1%
Phải trả người bán ngắn hạn	6.75	6.71	0.7%
Nợ dài hạn	222	222	0.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	48.5	48.5	0.0%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**1,300**	**1,294**	**0.5%**
Vốn chủ sở hữu	**1,300**	**1,294**	**0.5%**
Vốn điều lệ	926	926	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)